

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/10/2021.

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:	1. Ông Lê Quang Thanh 2. Ông Nguyễn Phú Hữu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2021, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2021/QĐXXST-DS ngày 08/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm TN, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: Anh Trần Thành T (tên thường gọi là S), sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A, Tổ B, ấp H, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Bé N có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị Bé N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bé N và anh Trần Thành T cưới nhau năm 2011, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân là sau khi cưới không bao lâu,

anh T bộc lộ bản tính chơi bời lêu lổng, thường xuyên uống rượu, không có trách nhiệm, nên chị không muốn đăng ký kết hôn với anh T. Khi chị mới sinh con chưa đầy tháng, giữa chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn, nhận thấy không thể sống chung được nữa nên chị N về mẹ ruột cất nhà ở riêng từ khi con được vài tháng tuổi cho đến nay. Chị N và anh T đều có nhà riêng, vợ chồng không thường xuyên sinh hoạt chung, anh T chỉ đến nhà chị ngủ qua đêm, còn ban ngày tự do đi chơi và uống rượu, chị N không quản lý được. Một mình chị N làm thuê nuôi con, thiếu thôn tự trang trải, anh T không ngó ngàng. Chị N nhiều lần tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nên nay chị Lê Thị Bé N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thành T.

- Về con chung: Chị Lê Thị Bé N và anh Trần Thành T có 01 con chung tên Trần Lê Văn H, sinh ngày 20/3/2012. Hiện nay con đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại Văn bản ý kiến của anh T ngày 08/10/2021, anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Bé N không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Bé N có 01 con chung tên Trần Lê Văn H, sinh ngày 20/3/2012, hiện đang sống chung với chị Bé N. Anh T đồng ý nếu con có nguyện vọng sống chung với ai thì Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bé N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trần Thành T có địa chỉ tại xã H, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bé N đồng ý việc xét xử vắng mặt anh T. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Thành T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bé N và anh Trần Thành T được xác lập vào năm 2011, có làm đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng chị Bé N và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bé N và anh Trần Thành T.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Bé N và anh Trần Thành T thừa nhận có 01 con chung tên Trần Lê Văn H, sinh ngày 20/3/2012, hiện đang sống chung với chị Bé N.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu H đang sống chung với chị Bé N, cháu H có văn bản trình bày nguyện vọng của cháu là được sống chung với mẹ, anh T thống nhất với nguyện vọng của cháu H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu H, giao cháu H cho chị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Bé N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bé N và anh T đều trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử**

*1/ Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bé N và anh Trần Thành T.

*2/ Về con chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bé N. Giao cháu Trần Lê Văn H, sinh ngày 20/3/2012 cho chị Lê Thị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Bé N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*3/ Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*4/ Về án phí:* Chị Lê Thị Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017385 ngày 26/7/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (chị Bé N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm).

Anh Trần Thành T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Bé N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TPCL;
- Dương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phương Hồng**